

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07/7/2021

V/v: “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Lắm, ông Hồ Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị Trúc L, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TL 2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TL 2, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2021 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Trúc L trình bày: trên cơ sở tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre vào năm 2013. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì thường xuyên mâu thuẫn do anh T đánh bạc ăn thua bằng tiền gây nợ và không quan tâm cho vợ con. Nay không thể sống với nhau được nữa và không còn tình cảm, chị và anh T đã ly thân từ đầu năm 2020, nay chị yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với anh T.

Anh chị có một con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 14/3/2016 hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu T và

yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, chị L tự xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh T trình bày: anh thống nhất với chị L về điều kiện, thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh chị. Tuy nhiên, nay anh T còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 01 con chung như lời trình bày của chị L. Nếu phải ly hôn, anh T đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi con chung, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và về nợ chung: anh T tự xác định giữa anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ, vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, thấy rằng anh chị không cùng nhau phát triển kinh tế mà anh T lại tham gia đánh bạc gây nợ làm ảnh hưởng tình cảm cảm và hạnh phúc của vợ chồng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị và anh T ly hôn nhau. Về nuôi con chung, chị L và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 14/3/2016. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Thư về tinh thần và thể chất, đề nghị Tòa án cho chị L được tiếp tục nuôi cháu T như yêu cầu của anh chị, ghi nhận anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho khi cháu T đủ 18 tuổi. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị L và anh T trong cùng vụ án do các anh chị không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Xét thấy bị đơn Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Trúc L đối với anh Nguyễn Thanh T, thấy rằng:

Về hôn nhân: chị Phạm Thị Trúc L và anh Nguyễn Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh T tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền gây nợ và không chăm lo cho vợ con. Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị không yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà anh T còn đánh bạc ăn thua bằng tiền gây ảnh hưởng đến kinh tế, tình cảm và hạnh phúc vợ chồng, dẫn đến đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị và anh T ly hôn nhau.

Về nuôi con chung: chị L và anh T có 01 con tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 14/3/2016. Hiện tại cháu T đang do chị L nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu T, cần tiếp tục giao cháu Thu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng như thống nhất giữa anh T và chị L. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Thu đủ 18 tuổi nên ghi nhận và buộc thực hiện.

Về tài sản chung và về nợ chung: chị L và anh T tự xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Phạm Thị Trúc L là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Án phí cấp dưỡng: anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Trúc L. Chị Phạm Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

[2] Về nuôi con chung: chị Phạm Thị Trúc L được trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 14/3/2016. Anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các bên, cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: chị Phạm Thị Trúc L và anh Nguyễn Thanh T tự khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Phạm Thị Trúc L phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006110 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKS ND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Tân Thành Bình;
(Số 129/2013; ngày 18/11/2013)
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lê Thị Lăng**